

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017**  
**ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**



---

Tháng 8 năm 2017

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 57

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/03/2017) Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Ngô Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/07/2017)
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/06/2017)
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/07/2017)
Ông Đậu Xuân Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Phan Anh Quang	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)

**Ban Kiểm soát**

Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/07/2017)

**Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty**

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Ngô Văn Cường**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 08 năm 2017



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 28.08/2017/BCSX-IFC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam, được lập ngày 21 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 57, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong Tổng Công ty, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 810/2017/BC.-KTTC-AASCHCM ngày 22 tháng 03 năm 2017, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập ngày 21 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty.



**Nguyễn Nam Cường**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2013-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và**

**Tư vấn Tài chính Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

**MẪU SỐ B 01A-DN/HN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>990.070.150.994</b>	<b>911.145.121.420</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>267.565.008.693</b>	<b>81.708.392.335</b>
1. Tiền	111	V.1	267.565.008.693	81.708.392.335
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>503.011.852</b>	<b>21.029.648.800</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3.011.852	23.245.042.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(2.715.394.052)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	500.000.000	500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>603.485.786.667</b>	<b>752.673.092.478</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	231.973.762.333	342.014.091.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	196.883.538.896	192.737.338.739
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	5.502.808.229	26.463.964.587
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	291.065.811.889	262.806.361.935
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(121.940.134.680)	(71.348.880.276)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	216.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>98.944.096.283</b>	<b>53.840.857.877</b>
1. Hàng tồn kho	141		99.090.338.011	53.987.099.605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(146.241.728)	(146.241.728)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.572.247.499</b>	<b>1.893.129.930</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	1.170.791.210	1.834.294.921
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.401.456.289	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	58.835.009
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>728.755.197.914</b>	<b>620.728.349.724</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	372.167.609	372.167.609
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(372.167.609)	(372.167.609)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163.477.152.397</b>	<b>171.389.789.925</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	145.450.964.713	150.226.183.941
- Nguyên giá	222		271.265.149.304	271.080.616.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.814.184.591)	(120.854.432.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	18.026.187.684	21.163.605.984
- Nguyên giá	228		20.342.508.948	23.304.609.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.316.321.264)	(2.141.003.964)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>491.308.521.954</b>	<b>368.124.319.783</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	241.011.003.705	235.972.515.804
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	250.297.518.249	132.151.803.979
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>57.770.695.828</b>	<b>63.928.334.312</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	16.389.182.761	17.555.246.135
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	41.842.535.902	47.978.685.637
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(461.022.835)	(1.605.597.460)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.198.827.735</b>	<b>17.285.905.704</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	16.198.827.735	17.285.905.704
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.718.825.348.908</b>	<b>1.531.873.471.144</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

**MẪU SỐ B 01A-DN/HN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>673.267.796.475</b>	<b>553.911.243.632</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>657.396.033.580</b>	<b>535.713.939.502</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	90.874.136.196	94.634.814.556
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	192.088.278.223	147.723.035.514
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	41.408.886.412	15.361.420.512
4. Phải trả người lao động	314		15.961.837.748	19.208.249.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	66.383.741.089	74.121.874.599
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	11.754.190.455	10.777.465.330
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	230.907.388.803	161.905.181.324
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.891.538.747	5.462.810.878
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.126.035.907	6.519.086.998
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.871.762.895</b>	<b>18.197.304.130</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	2.902.715.940	4.749.655.939
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		12.969.046.955	13.447.648.191
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.045.557.552.433</b>	<b>977.962.227.512</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>1.045.557.552.433</b>	<b>977.962.227.512</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.527.289.930	2.527.289.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(32.266.438.147)	(32.266.438.147)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.680.299.459	16.421.895.249
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		112.199.003	64.686.481
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.032.560.899	48.779.633.005
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45.251.630.309	38.697.933.300
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		73.780.930.590	10.081.699.705
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.047.056.146	31.010.575.851
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.718.825.348.908</b>	<b>1.531.873.471.144</b>

**Võ Quang**  
Người lập biểu  
Ngày 21 tháng 08 năm 2017

**Trần Quang Cần**  
Kế toán trưởng



**Ngô Văn Cường**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**MẪU SỐ B 02A-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	508.500.423.040	292.580.276.405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		508.500.423.040	292.580.276.405
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	322.707.333.238	267.413.993.829
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185.793.089.802	25.166.282.576
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.352.538.905	9.214.615.448
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.521.740.696	13.874.098.363
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.130.328.683	13.680.043.445
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết			736.887.066	651.965.808
9. Chi phí bán hàng	25		1.042.430.085	2.319.397.971
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	82.531.426.299	31.545.406.366
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		103.786.918.693	(12.706.038.868)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	13.669.466.362	5.234.122.974
13. Chi phí khác	32	VI.7	12.292.891.361	17.095.323.933
14. Lợi nhuận khác	40		1.376.575.001	(11.861.200.959)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105.163.493.694	(24.567.239.827)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	30.763.453.145	7.711.885.299
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(478.601.236)	(541.160.534)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		74.878.641.785	(31.737.964.592)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		73.780.930.590	(24.518.528.116)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.097.711.195	(7.219.436.476)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	772	(276)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		772	(276)

**Võ Quang**  
Người lập biểu  
Ngày 21 tháng 08 năm 2017

**Trần Quang Cần**  
Kế toán trưởng



**Ngô Văn Cường**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**MẪU SỐ B 03A-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>105.163.493.694</b>	<b>(24.567.239.827)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.130.632.770	6.944.422.073
Các khoản dự phòng	03	46.731.285.727	(567.640.115)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	141.326
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.861.187.626)	(8.871.742.487)
Chi phí lãi vay	06	7.130.328.683	13.680.043.445
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>152.294.553.248</b>	<b>(13.382.015.585)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	75.083.393.522	80.501.000.793
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(45.089.199.406)	(22.558.613.026)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(82.307.721.766)	(85.021.204.782)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.750.581.680	(848.466.204)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	20.526.636.948	(54.631.971.824)
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.868.462.193)	(12.307.073.174)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.945.024.691)	(21.029.193.645)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(3.488.238.622)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>103.444.757.342</b>	<b>(132.765.776.069)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(12.787.013.459)	(16.524.877.012)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	87.256.043.502
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(28.410.493.586)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	175.985.499	107.955.259.689
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	26.576.330.254	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.222.040.442	7.286.824.517
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>16.187.342.736</b>	<b>157.562.757.110</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	297.871.966.021	346.622.023.132
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(230.716.698.541)	(399.051.628.009)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(930.751.200)	(1.888.757.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>66.224.516.280</b>	<b>(54.318.362.277)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>185.856.616.358</b>	<b>(29.521.381.236)</b>
Tiền đầu kỳ	60	81.708.392.335	109.511.515.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	188.388
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>267.565.008.693</b>	<b>79.990.323.110</b>

**Võ Quang**  
Người lập biểu  
Ngày 21 tháng 08 năm 2017

**Trần Quang Cần**  
Kế toán trưởng



**Ngô Văn Cường**  
Tổng Giám đốc

## **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2005. Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 04 năm 2017.

### **Vốn điều lệ của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 04 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 904.329.530.000 đồng tương ứng với 90.432.953 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng, tùy thuộc vào các công trình xây lắp do Tổng Công ty ký kết với các chủ đầu tư.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam gồm:

**Đơn vị**

Văn phòng Tổng Công ty

**Địa chỉ**

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Đơn vị trực thuộc**

**Địa chỉ**

1. Khách sạn xanh Đà Nẵng
2. Sàn Giao dịch bất động sản VNECO
3. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu,  
Thành phố Đà Nẵng  
Số 02 Lê Lợi, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố  
Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế  
740C Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú  
Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

**Công ty con**

**Địa chỉ**

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12
5. Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO
6. Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong1
7. Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO

Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh,  
Tỉnh Nghệ An  
Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh,  
Tỉnh Nghệ An  
Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma  
Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
Số 155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới,  
Tỉnh Quảng Bình  
Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên  
Huế  
Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc  
Bình, Tỉnh Bình Thuận  
Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố  
Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

**Công ty liên kết**

**Địa chỉ**

- |   |  |
|---|--|
| 1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2  | Số 13 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An                     |
| 2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7  | Số 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng           |
| 3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10 | Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định         |
| 4. Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia   | Lầu 1, tòa nhà Sông Đà, 14B Kỳ Đồng, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh |

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.

### III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Tổng Công ty có 07 công ty con. Chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

- Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3  
Địa chỉ : Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2017: 6.985.720.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93%

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

2. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4  
Địa chỉ : Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh  
Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2017: 5.192.580.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%
3. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8  
Địa chỉ : Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2017: 9.746.980.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%
4. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12  
Địa chỉ : Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2017: 7.887.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%
5. Tên Công ty : Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO  
Địa chỉ : Số 2 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế  
Hoạt động chính : Hoạt động xây lắp; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2017: 58.938.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 98,4%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 98,4%
6. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1  
Địa chỉ : Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận  
Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2017: 2.000.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
7. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO  
Địa chỉ : Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng  
Hoạt động chính : Xây lắp, kinh doanh Bất động sản, nhà hàng, khách sạn...

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

###### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### ***Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)***

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### ***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất trong 50 năm; Giá trị giấy phép chuyển nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	50
Bản quyền, bằng sáng chế	Hết khấu hao
Phần mềm máy tính	03 - 05

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

##### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### **Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. TIỀN**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.331.431.332	1.271.048.021
Tiền gửi ngân hàng	263.233.577.361	80.437.344.314
<b>Cộng</b>	<b>267.565.008.693</b>	<b>81.708.392.335</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Mã chứng khoán	30/06/2017			01/01/2017				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
VE9	279	3.011.852	3.100.300	-	279	3.011.852	2.008.800	(1.003.052)
LCG	-	-	-	-	207.000	3.536.181.000	821.790.000	(2.714.391.000)
GEX	-	-	-	-	950.000	19.705.850.000	19.570.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>3.011.852</b>	<b>3.100.300</b>	<b>-</b>		<b>23.245.042.852</b>	<b>20.393.798.800</b>	<b>(2.715.394.052)</b>

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	56.850.264.266	61.850.264.266
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Bắc	28.011.109.564	54.424.074.538
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	22.291.340.924	22.628.990.248
Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội	18.277.993.882	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	14.511.490.746	14.500.380.746
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	13.591.542.440	17.868.128.860
Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội	10.682.724.832	-
Ban quản lý dự án phát triển Điện lực Miền Bắc	9.739.129.393	9.818.778.456
Công ty Truyền Tải Điện 2	7.807.891.426	-
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực miền Nam - Tổng Công ty Điện lực miền nam TNHH	5.543.384.300	-
Ban quản lý dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong	-	115.802.660.338
Công ty Truyền Tải Điện 1	-	11.978.721.899
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	-	1.686.442.412
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	-	146.472.842
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	-	12.000.000
Các khoản phải thu khác	44.666.890.560	31.297.176.888
<b>Cộng</b>	<b><u>231.973.762.333</u></b>	<b><u>342.014.091.493</u></b>
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 5	372.167.609	372.167.609
<b>Cộng</b>	<b><u>372.167.609</u></b>	<b><u>372.167.609</u></b>
<b>c. Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>		
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	-	1.686.442.412
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	-	146.472.842
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	-	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.844.915.254</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
ĐIỆN VIỆT NAM**Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán  
từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI  
KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

		<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa (i)		65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà (i)		50.728.000.000	50.728.000.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (ii)		25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh		7.814.200.043	12.115.149.407
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Tây Nguyên		3.056.165.814	-
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Thắng		1.825.731.603	-
Công ty TNHH XD và TM Hoàng Phương Tùng		1.004.509.589	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện và Viễn thông Hoàng Sa		900.220.000	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10		11.053.620.428	-
Công ty Cổ phần KTC		-	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hóa Phan		-	8.563.282.660
Các khoản trả trước cho người bán khác		30.008.068.692	18.837.883.945
<b>Cộng</b>		<b>196.883.538.896</b>	<b>192.737.338.739</b>
<b>b. Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan</b>			
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10		11.053.620.428	-
<b>Cộng</b>		<b>11.053.620.428</b>	<b>-</b>

(i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.

(ii) Khoản trả trước tiền cho hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

		<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Năng lượng Tái tạo Châu Á		-	20.400.110.914
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA - VNECO (i)		5.502.808.229	6.063.853.673
<b>Cộng</b>		<b>5.502.808.229</b>	<b>26.463.964.587</b>

(i) Khoản cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA - VNECO theo hợp đồng thu xếp vốn số 12/2016/HĐTXD ngày 05/12/2016 với thời hạn 1 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 702 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích mảnh đất là 318,4m<sup>2</sup>.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>		
- Dự án chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (i)	205.340.573.879	205.340.573.879
+ Công ty CP Dịch vụ thương mại kinh doanh Nhà tin Nghĩa	116.000.000.000	116.000.000.000
+ Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
+ Công ty TNHH TMại XD Phúc Vân Hà	22.819.715.546	22.819.715.546
- Nguyễn Đức Thế Thảo	30.554.000.000	-
- BQLDA các công trình điện Miền Bắc	792.668.198	833.733.017
- BQLDA các công trình điện Miền Nam	787.327.267	1.026.418.115
- BQLDA các công trình điện Miền Trung	214.783.092	654.915.400
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	-	2.460.327.531
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.154.427.500	-
- Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Phú Vang	416.612.000	-
- BQL DA nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong	-	2.647.394.860
- Phải thu ông Lý Quốc Cường	-	3.100.601.109
- Tạm ứng	37.258.324.368	30.751.665.078
- Ký cược, ký quỹ	672.667.343	8.387.622.423
- Phải thu khác	13.874.428.242	7.603.110.523
<b>Cộng</b>	<b><u>291.065.811.889</u></b>	<b><u>262.806.361.935</u></b>
<b>b. Phải thu khác ngắn hạn cho các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.154.427.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.154.427.500</u></b>	<b><u>-</u></b>

- (i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. NỢ XÁU**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ban A - Công ty Truyền tải Điện 4	170.138.131	-	170.138.131	-
Ban A - Hàm Thuận Đa My	570.974.554	-	570.974.554	-
Công ty TNHH Tư vấn hoạch định nguồn lực DN E.R.P	195.000.000	-	195.000.000	-
Công ty TNHH An Thuận	119.361.786	-	119.361.786	-
VP Tư vấn & CGCN ĐHKH Hà Nội	140.000.000	-	140.000.000	-
Lâm Phúc Lâm và Lã Thị Thùy Vân	66.520.858.333	29.000.000.000	66.520.858.333	29.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	-	73.547.715.546	50.728.000.000
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh nhà Tín Nghĩa	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	-	2.460.327.531	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Hoàng Thăng	478.437.775	-	478.437.775	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế	248.018.874	-	248.018.874	-
Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	397.597.000	-	397.597.000	-
Các đối tượng khác	2.991.104.041	-	3.311.397.304	183.547.667
<b>Cộng</b>	<b>331.940.134.680</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>332.260.427.943</b>	<b>260.911.547.667</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30-06-17		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.572.040.011	(33.762.087)	4.984.085.028	(33.762.087)
Công cụ, dụng cụ	821.607.612	(1.878.552)	172.831.696	(1.878.552)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.101.302.264	-	38.963.738.320	-
Thành phẩm nhập kho	11.208.657.982	(110.601.089)	9.504.625.603	(110.601.089)
Hàng hoá	377.393.748	-	352.482.564	-
Hàng gửi bán	9.336.394	-	9.336.394	-
<b>Cộng</b>	<b>99.090.338.011</b>	<b>(146.241.728)</b>	<b>53.987.099.605</b>	<b>(146.241.728)</b>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án đầu tư Khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế	241.011.003.705	241.011.003.705	235.972.515.804	235.972.515.804
<b>Cộng</b>	<b>241.011.003.705</b>	<b>241.011.003.705</b>	<b>235.972.515.804</b>	<b>235.972.515.804</b>

Dự án Khu Đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế với tổng diện tích xây dựng là 435,335m<sup>2</sup>, quy mô xây dựng 998 căn nhà phố liền kề và biệt thự. Theo Quyết định số 26/QĐ/UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016 về việc thực hiện điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật với thời gian thực hiện dự án điều chỉnh từ năm 2007 đến năm 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>168.167.499.669</b>	<b>60.026.372.893</b>	<b>35.482.042.718</b>	<b>7.404.700.722</b>	<b>271.080.616.002</b>
Mua trong kỳ	-	384.122.727	330.831.976	31.818.182	746.772.885
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.075.320.932	-	-	-	2.075.320.932
Thanh lý, nhượng bán	(899.582.727)	(157.858.740)	(1.580.119.048)	-	(2.637.560.515)
Phân loại lại tài sản	-	(176.764.112)	-	176.764.112	-
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>169.343.237.874</b>	<b>60.075.872.768</b>	<b>34.232.755.646</b>	<b>7.613.283.016</b>	<b>271.265.149.304</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>52.830.920.494</b>	<b>42.337.667.628</b>	<b>19.734.581.607</b>	<b>5.951.262.332</b>	<b>120.854.432.061</b>
Khấu hao trong kỳ	3.109.387.731	1.436.055.334	1.201.299.234	208.573.171	5.955.315.470
Thanh lý, nhượng bán	-	(37.858.740)	(957.704.200)	-	(995.562.940)
Phân loại lại tài sản	196.114.833	(248.427.014)	51.410.515	901.666	-
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>56.136.423.058</b>	<b>43.487.437.208</b>	<b>20.029.587.156</b>	<b>6.160.737.169</b>	<b>125.814.184.591</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>115.336.579.175</b>	<b>17.688.705.265</b>	<b>15.747.461.111</b>	<b>1.453.438.390</b>	<b>150.226.183.941</b>
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>113.206.814.816</b>	<b>16.588.435.560</b>	<b>14.203.168.490</b>	<b>1.452.545.847</b>	<b>145.450.964.713</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 30.086.086.920 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 29.672.079.397 đồng).

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 với giá trị là 36.910.994.922 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 39.770.265.565 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyên sử dụng đất VND</b>	<b>Bản quyền, bằng sáng chế VND</b>	<b>Phân mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2017	22.560.223.088	50.086.320	694.300.540	23.304.609.948
Phân loại lại	-	-	(14.039.000)	(14.039.000)
Thanh lý, nhượng bán	(2.948.062.000)	-	-	(2.948.062.000)
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>19.612.161.088</b>	<b>50.086.320</b>	<b>680.261.540</b>	<b>20.342.508.948</b>
<b>HAO MÒN LŨY KÊ</b>				
Tại 01/01/2017	1.433.156.104	50.086.320	657.761.540	2.141.003.964
Khấu hao trong kỳ	173.442.300	-	1.875.000	175.317.300
<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>1.606.598.404</b>	<b>50.086.320</b>	<b>659.636.540</b>	<b>2.316.321.264</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2017	<b>21.127.066.984</b>	-	<b>36.539.000</b>	<b>21.163.605.984</b>
Tại 30/06/2017	<b>18.005.562.684</b>	-	<b>20.625.000</b>	<b>18.026.187.684</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 17.005.562.684 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 17.179.004.984 đồng).

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 508.836.320 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 508.836.320 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

		<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Dự án nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	(i)	184.198.237.098	-
- Dự án Siêu thị Đà Nẵng (Green Mart)	(ii)	58.356.508.757	58.356.508.757
- Dự án cải tạo Khách sạn Xanh Đà Nẵng		6.796.018.152	-
- Đầu tư khu du lịch Xanh Lăng Cô		-	18.512.635.297
- Dự án Khu tổ hợp căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại và Khách sạn VNECO Sơn Trà		-	54.169.460.868
- Các dự án khác		946.754.242	1.113.199.057
<b>Cộng</b>		<b><u>250.297.518.249</u></b>	<b><u>132.151.803.979</u></b>

(i) Dự án nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 là dự án xây dựng nhà máy điện gió với tổng mức đầu tư 1.499 tỷ đồng, công suất 32MW, 16 tổ máy, sản lượng điện dự kiến của dự án 97.122 Mwh.

(ii) Dự án không tiếp tục thực hiện và đang xem xét chuyển nhượng.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

		<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>			
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		662.052.617	786.835.246
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		508.738.593	1.047.459.675
<b>Cộng</b>		<b><u>1.170.791.210</u></b>	<b><u>1.834.294.921</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>			
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn		15.568.060.440	15.462.758.697
- Chi phí trả trước dài hạn khác		630.767.295	1.823.147.007
<b>Cộng</b>		<b><u>16.198.827.735</u></b>	<b><u>17.285.905.704</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Lãi lỗ liên doanh liên kết	Tổng	Giá gốc	Lãi lỗ liên doanh liên kết	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Quản Lý dự án Core Asia	1.020.000.000	(75.725.249)	944.274.751	1.020.000.000	(154.845.038)	865.154.962
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	5.854.100.000	1.528.685.061	7.382.785.061	5.854.100.000	1.387.110.760	7.241.210.760
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	9.560.000.000	(6.354.450.748)	3.205.549.252	9.560.000.000	(4.725.850.951)	4.834.149.049
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.000.000.000	1.856.573.697	4.856.573.697	3.000.000.000	1.614.731.364	4.614.731.364
<b>Cộng</b>	<b>19.434.100.000</b>	<b>(3.044.917.239)</b>	<b>16.389.182.761</b>	<b>19.434.100.000</b>	<b>(1.878.853.865)</b>	<b>17.555.246.135</b>

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Nghệ An	32,37%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện; ...
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Đà Nẵng	33,34%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện; ...
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Bình Định	30,05%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện; ...
4	Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia	Hồ Chí Minh	38,23%	Tư vấn, quản lý các Dự án đầu tư...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

		30/06/2017				01/01/2017			
		Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hời Xuân VNECO	(i)	3.082.000	30.820.000.000			3.082.000	30.820.000.000		-
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	(ii)	277.904	5.114.023.435	4.752.158.400	(361.865.035)	277.904	5.114.023.435	4.418.673.600	(695.349.835)
Công ty CP Sông Ba	(ii)	341.787	3.167.848.140	3.759.657.000	-	53.627	5.608.476.403	6.853.050.550	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9	(ii)	214.099	1.982.484.527	2.205.219.700	-	230.180	1.982.484.527	1.348.823.702	(633.660.825)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	(ii)	84.490	758.179.800	659.022.000	(99.157.800)	84.490	758.179.800	481.593.000	(276.586.800)
Công ty CP Thủy điện Sông Chồ	(i)	-	-	-	-	369.552	3.695.521.472		
<b>Cộng</b>			<b>41.842.535.902</b>	<b>11.376.057.100</b>	<b>(461.022.835)</b>		<b>47.978.685.637</b>	<b>13.102.140.852</b>	<b>(1.605.597.460)</b>

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.
- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa các cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần KTC	20.232.800.815	20.232.800.815	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trọng Tiến	2.952.909.850	2.952.909.850	-	-
Công ty Cổ phần Đất Xanh miền Trung	2.350.441.431	2.350.441.431	3.482.020.204	3.482.020.204
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Phương Tùng	1.615.105.864	1.615.105.864	2.140.527.143	2.140.527.143
Công ty TNHH Phúc Thịnh	1.528.819.489	1.528.819.489	2.678.819.489	2.678.819.489
Công ty TNHH Phong Luyến	1.414.488.350	1.414.488.350	-	-
Công ty TNHH Hoa Thường	1.025.145.856	1.025.145.856	-	-
Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh	80.062.544	80.062.544	12.537.896.138	12.537.896.138
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	17.771.345.754	17.771.345.754	18.789.931.956	18.789.931.956
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7	1.543.265.511	1.543.265.511	909.914.740	909.914.740
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	-	-	9.534.299.109	9.534.299.109
Phải trả cho các đối tượng khác	40.359.750.732	40.359.750.732	44.561.405.777	44.561.405.777
<b>Cộng</b>	<b>90.874.136.196</b>	<b>90.874.136.196</b>	<b>94.634.814.556</b>	<b>94.634.814.556</b>
<b>b. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	17.771.345.754	17.771.345.754	18.789.931.956	18.789.931.956
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7	1.543.265.511	1.543.265.511	909.914.740	909.914.740
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	-	-	9.534.299.109	9.534.299.109
<b>Cộng</b>	<b>19.314.611.265</b>	<b>19.314.611.265</b>	<b>29.234.145.805</b>	<b>29.234.145.805</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Khách hàng trả trước dự án Mỹ Thượng	81.251.045.926	81.251.045.926	47.812.476.926	47.812.476.926
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	51.238.754.121	51.238.754.121	17.200.374.371	17.200.374.371
Công ty Cổ phần Mai Linh Hà Tĩnh	12.524.992.259	12.524.992.259	12.524.992.259	12.524.992.259
Công ty TNHH Hùng Quý	7.586.592.703	7.586.592.703	7.586.592.703	7.586.592.703
Ban quản lý dự án lưới điện TP. Hồ Chí Minh	7.065.171.865	7.065.171.865	-	-
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực miền Nam - Tổng Công ty Điện lực miền nam TNHH	-	-	7.917.245.451	7.917.245.451
Ban quản lý lưới điện Hà Nội	-	-	12.869.710.909	12.869.710.909
Phải trả cho các đối tượng khác	32.421.721.349	32.421.721.349	41.811.642.895	41.811.642.895
<b>Cộng</b>	<b>192.088.278.223</b>	<b>192.088.278.223</b>	<b>147.723.035.514</b>	<b>147.723.035.514</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/06/2017</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	10.114.567.116	24.032.825.794	23.696.118.910	9.777.860.232
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.222.443	7.488.246	8.687.287	13.421.484
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.806.068.432	30.305.930.368	3.945.024.691	3.445.162.755
Thuế thu nhập cá nhân	393.403.425	475.236.546	340.234.871	258.401.750
Thuế tài nguyên	-	-	16.236.691	16.236.691
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.082.624.996	396.238.678	1.163.951.282	1.850.337.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.009.806	6.009.806	-
<b>Cộng</b>	<b>41.408.886.412</b>	<b>55.223.729.438</b>	<b>29.176.263.538</b>	<b>15.361.420.512</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí công trình	63.599.980.069	71.345.715.844
Trích trước chi phí mua Trụ sở làm việc số 344 Phan Chu Trinh	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí lãi vay	303.324.924	261.838.847
Chi phí phải trả khác	307.000.000	340.883.812
<b>Cộng</b>	<b><u>66.383.741.089</u></b>	<b><u>74.121.874.599</u></b>

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Kinh phí công đoàn	702.435.027	847.216.882
- Bảo hiểm xã hội	915.901.335	922.398.336
- Bảo hiểm y tế	27.106.074	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.929.115	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.866.542.359	917.086.236
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.232.276.545	8.090.763.876
<b>Cộng</b>	<b><u>11.754.190.455</u></b>	<b><u>10.777.465.330</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>225.039.883.391</b>	<b>225.039.883.391</b>	<b>295.055.633.942</b>	<b>225.747.258.542</b>	<b>155.731.507.991</b>	<b>155.731.507.991</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (i)	124.823.719.772	124.823.719.772	179.287.211.412	152.402.161.490	97.938.669.850	97.938.669.850
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	49.257.861.264	49.257.861.264	42.175.099.543	4.732.002.912	11.814.764.633	11.814.764.633
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (iii)	14.903.039.170	14.903.039.170	24.608.048.502	19.637.041.879	9.932.032.547	9.932.032.547
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (iv)	13.400.000.000	13.400.000.000	12.400.000.000	10.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng (v)	9.853.329.360	9.853.329.360	14.853.329.360	15.812.431.206	10.812.431.206	10.812.431.206
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh (vi)	6.364.758.299	6.364.758.299	11.830.340.197	9.474.596.014	4.009.014.116	4.009.014.116
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (vii)	5.408.446.081	5.408.446.081	7.887.975.401	8.116.006.262	5.636.476.942	5.636.476.942
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô (viii)	1.028.729.445	1.028.729.445	1.474.514.445	445.785.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Huế	-	-	539.115.082	4.227.233.779	3.688.118.697	3.688.118.697
- Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
<b>Vay các đối tượng khác</b>	<b>2.091.745.412</b>	<b>2.091.745.412</b>	<b>769.392.079</b>	<b>758.000.000</b>	<b>2.080.353.333</b>	<b>2.080.353.333</b>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.22)</b>	<b>3.775.760.000</b>	<b>3.775.760.000</b>	<b>1.646.940.000</b>	<b>1.964.500.000</b>	<b>4.093.320.000</b>	<b>4.093.320.000</b>
<b>Tổng</b>	<b>230.907.388.803</b>	<b>230.907.388.803</b>	<b>297.471.966.021</b>	<b>228.469.758.542</b>	<b>161.905.181.324</b>	<b>161.905.181.324</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/242753/HĐTD ngày 01 tháng 08 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng (200 tỷ đồng) gồm cả VNĐ và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2017. Lãi suất cho vay và thời gian trả nợ cho từng lần vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cầm cố thế chấp của Tổng Công ty hoặc bên thứ ba theo các hợp đồng thế chấp cầm cố được ký kết giữa Ngân hàng và Tổng Công ty hoặc bên thứ ba; Toàn bộ số dư tiền gửi bằng VNĐ và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế Tổng Công ty được thụ hưởng.
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:
1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 42/2016/VCB -KHDN ngày 19 tháng 04 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (50 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 11 thuộc dự án đường dây 500KV Sông Mây - Tân Uyên theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 1864/HĐXL-VNECO-PCC1 ngày 16 tháng 12 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB -ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
  2. Hợp đồng tín dụng từng lần số 117/2016/VCB -KHDN ngày 01 tháng 09 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 07 - Xây lắp đường dây thuộc dự án đường dây 500KV đầu nối nhà máy Thăng Long theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 119/ENVNPT/NPM-HĐXL-KH ngày 20/07/2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB -ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
  3. Hợp đồng tín dụng từng lần số 13/2017/VCB -KHDN ngày 13 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 17.800.000.000 đồng (17,8 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 06 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu NPC/NCNL-100NB-G01 - Khảo sát, lập thiết kế, cung cấp vật tư và thi công dự án nâng cao năng lực truyền tải ĐZ 100 KV lộ 172TBA 220KV Ninh Bình - Trinh Xuyên theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 207/HĐ-BDALD -KH ngày 20 tháng 09 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB -ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau (Tiếp theo):

4. Hợp đồng tín dụng từng lần số 12/2017/VCB-KHDN ngày 13 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng (13,5 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 06 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán chi phí thu công Gói thầu ADB -HNPC-NRST-W01: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây: Cung cấp và lắp đặt vật lắp đường dây không 100KV, tiêu dự án: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây, Dự án: Phát triển lưới điện Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 90HD/HANOI PBMB/ADB-HNPC-NRST-W01 ngày 29 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB -ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
5. Hợp đồng tín dụng từng lần số 14/2017/VCB-KHDN ngày 17 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 22.000.000.000 đồng (22 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công Gói thầu số 11 Xây lắp thuộc Dự án đường dây 200KV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2 theo hợp đồng xây lắp số 21.12.2016/PTCC3 - VNECO ngày 21 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB -ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 1482/2016-HĐTDHM/NHCT470-VNECO12 ngày 08 tháng 06 năm 2016 với số tiền vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 11.838.031.137 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 7%/năm.
2. Hợp đồng tín dụng từng lần số 806002620580/2017-HĐCVHM/NHCT470-VNECO12 ngày 07 tháng 06 năm 2017 với số tiền vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 3.065.008.033 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 7%/năm.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng tín dụng tổng số tiền vay là 13.400.000.000 đồng. Thời hạn cho các khoản vay là 08 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 9%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Bắc Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 03/2016 - HĐTD/NHCT488-VNECO ngày 29 tháng 01 năm 2016 với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng (65 tỷ đồng). Khoản vay để thanh toán cho công trình thi công đường dây điện Gói thầu số 7, Lô 7.3 " Xây lắp đường dây từ vị trí G12 -G16" thuộc dự án " Đường dây 500KV TTĐL Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên". Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 lần/tháng. Thời hạn giải ngân trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn cho vay các khoản nợ là 09 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản có 300030265/2015/02 ngày 20 tháng 01 năm 2016.
2. Hợp đồng tín dụng số 04/2016 -HĐTD/NHCT488 - VNECO ngày 29 tháng 01 năm 2016 với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng (65 tỷ đồng). Khoản vay để thanh toán cho công trình thi công đường dây điện Gói thầu số 5 (TU -W05) "Xây lắp trạm (bao gồm PCCC\_TNHC nhất thứ và Nhị thứ + Thí nghiệm cấp ngầm" thuộc Dự án "Trạm biến áp 500 KV Tân Uyên và đầu nối" Thời hạn giải ngân trong vòng 20 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn cho vay các khoản nợ là 09 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 lần/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20 tháng 01 năm 2016.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 20 tháng 01 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 6.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu xây lắp đường dây 110 KV và trạm biến áp Bắc Á tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 5 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
2. Hợp đồng tín dụng số 02/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 23 tháng 01 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 7.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu dự án hoàn thiện sơ đồ các Trạm biến áp 110 KV của Tổng công ty điện lực miền Bắc giai đoạn 2. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
3. Hợp đồng tín dụng số 03/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 17 tháng 03 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu dự án lắp máy biến áp T2 trạm biến áp 110 KV Hoàng Hóa và trạm biến áp 110 KV Kỳ Anh chống quá tải mùa khô 2017. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
4. Hợp đồng tín dụng số 04/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 28 tháng 04 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu cải tạo ĐDK 110 KV Hà Đông - Sơn Tây. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN thành phố Vinh theo các hợp đồng sau (Tiếp theo):

5. Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017-HĐCVHM/NHCT442-VNECO 3 ngày 16 tháng 05 năm 2017. Hạn mức cho vay có tổng giá trị không vượt quá 5.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cột điện, cột, ống bê tông các loại . . . Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay kể từ ngày 16/5/2017 đến ngày 16/5/2018. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với đất theo hợp đồng thuê đất đã được ký giữa Công ty với Sở tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An, toàn bộ máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty với giá trị thế chấp là : 39.643.075.751 đồng.

(vii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 244/TDDN17-NAN.KHBL ngày 24 tháng 05 năm 2017. Tổng hạn mức cho vay là 8 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức đến 24 tháng 5 năm 2018. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các khoản chi phí phục vụ kinh doanh. Lãi suất cho vay được quy định tại từng thời điểm rút vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp cho khoản vay bao gồm:

- ✓ Tài sản gắn liền với đất của thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 295450 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 07 tháng 02 năm 2005;
- ✓ Tài sản là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của Công ty;
- ✓ Tài sản hình thành từ vốn vay là các máy móc thiết bị và xe ô tô hiệu THACO theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 11.12.2014.HĐMB ngày 11 tháng 12 năm 2014.

(viii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần số 05/2017/4026/XD/VNECO 3 ngày 7 tháng 03 năm 2017. Tổng giá trị cho vay là 1.500.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu xây lắp đường dây 110 KV và trạm biến áp Bắc Á tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Lãi suất vay là thỏa thuận và cố định theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. nguồn thanh toán theo hợp đồng thi công này được chuyển về tài khoản của bên vay mở tại bên cho vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>6.678.475.940</b>	<b>6.678.475.940</b>	<b>400.000.000</b>	<b>2.564.499.999</b>	<b>8.842.975.939</b>	<b>8.842.975.939</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	2.518.475.940	2.518.475.940	-	324.499.999	2.842.975.939	2.842.975.939
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (ii)	1.400.000.000	1.400.000.000	-	600.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	1.600.000.000	1.600.000.000	400.000.000	600.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng (iv)	1.160.000.000	1.160.000.000	-	1.040.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.678.475.940</b>	<b>6.678.475.940</b>	<b>400.000.000</b>	<b>2.564.499.999</b>	<b>8.842.975.939</b>	<b>8.842.975.939</b>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	3.775.760.000	3.775.760.000	1.646.940.000	1.964.500.000	4.093.320.000	4.093.320.000
<b>Cộng các khoản vay dài hạn</b>	<b>2.902.715.940</b>	<b>2.902.715.940</b>			<b>4.749.655.939</b>	<b>4.749.655.939</b>

(i) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 232/VCB-KHDN ngày 24 tháng 07 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 3.761.800.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay để thanh toán chi phí phát sinh của dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp cầm cố theo hợp đồng thế chấp tài sản cố 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007; hợp đồng thế chấp số hợp đồng thế chấp tài sản cố 100/NHNT-ĐN ngày 05 tháng 12 năm 2008; hợp đồng thế chấp tài sản cố 141/2011/VCB-ĐN ngày 15 tháng 12 năm 2011; hợp đồng thế chấp tài sản cố 140/2015/VCB-ĐN ngày 14 tháng 07 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09A-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

(i) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau (tiếp theo):

2. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 314/VCB-KHDN ngày 19 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay là 430.000.000 đồng. Thời gian vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư 01 xe bán tải Mitsubishi 5 chỗ theo hợp đồng kinh tế số 36/1310/HĐKT ngày 29 tháng 10 năm 2013. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay và theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường số bộ 172/2013/VCB-ĐN và phụ lục 1 kèm theo ngày 19 tháng 11 năm 2013 và các tài sản thế chấp cầm cố theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản cố 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007; Hợp đồng thế chấp tài sản cố 141/2011/VCB-ĐN ngày 15 tháng 12 năm 2011; hợp đồng thế chấp tài sản cố 100/NHNT-ĐN ngày 05 tháng 12 năm 2008.
3. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 81/2012/VCB-KHDN ngày 06 tháng 04 năm 2012 với số tiền vay là 297.300.000 đồng. Thời hạn vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích khoản vay để thanh toán tiền mua xe tải cầu tự hành theo Hợp đồng kinh tế số 06-2012/SMC ngày 23 tháng 03 năm 2012. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 113/2012/VCB-ĐN ngày 25 tháng 06 năm 2012.

(ii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/242753/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 3.885.000.000 đồng. Thời hạn vay trong vòng 03 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để mua 01 xe ô tô Mercedes GL400 và 02 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 phục vụ điều hành quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 12 tháng sau niêm yết tại Ngân hàng cộng phí ngân hàng cố định là 2,5%/năm, được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(iii) Khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số 16.55.0087/2016-HĐTDTL.NHCT502-VNECO8 ngày 11 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng. Khoản vay để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Thời hạn vay vốn là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay là 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

(iv) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 04112015/HĐTD ngày 28 tháng 09 năm 2012 với tổng số tiền là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng). Thời hạn vay trong vòng 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để đầu tư dự án Khách sạn Xanh Đà Nẵng Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất hằng năm được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, được điều chỉnh 01 lần/tháng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi hình thức thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Trong vòng một năm	3.375.760.000	4.093.320.000
Trong năm thứ hai	772.760.000	1.654.910.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.129.955.940	3.094.745.939
Sau năm năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.278.475.940</u></b>	<b><u>8.842.975.939</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	<u>3.375.760.000</u>	<u>4.093.320.000</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>2.902.715.940</u></b>	<b><u>4.749.655.939</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	823.575.050.000	2.529.967.267	4.419.831.617	(32.266.438.147)	17.487.711.874	26.248.296	131.445.578.179	50.022.595.973	997.240.545.059
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	10.081.699.705	(4.601.355.531)	5.480.344.174
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.675.223.526	-	-	-	(2.675.223.526)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	432.022.267	-	(432.022.267)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc	-	-	-	-	-	-	(7.129.635.853)	-	(7.129.635.853)
Trích quỹ khen thưởng Ban	-	-	-	-	-	-	(1.643.735.260)	-	(1.643.735.260)
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	-	38.438.185	(38.438.185)	-	-
Trả cổ tức	80.754.480.000	-	-	-	-	-	(80.754.480.000)	-	-
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	(1.497.838.892)	-	(74.109.788)	(14.410.664.591)	(15.982.613.271)
Giảm khác	-	(2.677.337)	-	-	-	-	-	-	(2.677.337)
Số dư tại ngày 31/12/2016	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(32.266.438.147)	16.421.895.249	64.686.481	48.779.633.005	31.010.575.851	977.962.227.512
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	73.780.930.590	1.097.711.195	74.878.641.785
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	258.404.210	47.512.522	(305.916.732)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.222.085.964)	-	(3.222.085.964)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(4.061.230.900)	(4.061.230.900)
Số dư tại ngày 30/06/2017	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(32.266.438.147)	16.680.299.459	112.199.003	119.032.560.899	28.047.056.146	1.045.557.552.433

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**b. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.598.920	1.598.920
- Cổ phiếu phổ thông	1.598.920	1.598.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	88.834.033	88.834.033
- Cổ phiếu phổ thông	88.834.033	88.834.033
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/CP

**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh xây lắp, bộ phận kinh doanh bất động sản và bộ phận khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**24. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:**

	<b>Hoạt động kinh doanh Bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động xây lắp VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	585.084.560.139	429.542.964.890	291.065.811.889	1.305.693.336.918
Tài sản không phân bổ				413.132.011.990
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.718.825.348.908</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	93.776.038.185	189.186.376.234	116.033.494.269	398.995.908.688
Nợ phải trả không phân bổ				274.271.887.787
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>673.267.796.475</b>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2017:**

	<b>Hoạt động kinh doanh Bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động xây lắp VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	460.920.097.448	663.527.784.086	293.104.732.635	1.417.552.614.169
Tài sản không phân bổ				114.320.856.975
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.531.873.471.144</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	340.337.271.707	31.587.262.283	36.538.760.312	408.463.294.302
Nợ phải trả không phân bổ				145.447.949.330
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>553.911.243.632</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**24. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017:**

	<b>Hoạt động kinh doanh Bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động xây lắp VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	208.658.732.304	263.185.753.701	36.655.937.035	508.500.423.040
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>208.658.732.304</b>	<b>263.185.753.701</b>	<b>36.655.937.035</b>	<b>508.500.423.040</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	61.163.647.025	230.217.587.301	31.326.098.912	322.707.333.238
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận				185.793.089.802
Chi phí không phân bổ				83.573.856.384
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				102.219.233.418
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết				736.887.066
Doanh thu từ các khoản đầu tư				8.352.538.905
Lợi nhuận khác				1.376.575.001
Chi phí tài chính				7.521.740.696
Lợi nhuận trước thuế				105.163.493.694
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				30.763.453.145
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(478.601.236)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>74.878.641.785</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**24. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

	<b>Hoạt động kinh doanh Bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động xây lắp VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	116.727.396.273	141.193.382.273	34.659.497.859	292.580.276.405
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>116.727.396.273</b>	<b>141.193.382.273</b>	<b>34.659.497.859</b>	<b>292.580.276.405</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	113.913.125.925	121.981.616.844	31.519.251.060	267.413.993.829
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận				25.166.282.576
Chi phí không phân bổ				33.864.804.337
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(8.698.521.761)
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết				651.965.808
Doanh thu từ các khoản đầu tư				9.214.615.448
Lợi nhuận khác				(11.861.200.959)
Chi phí tài chính				13.874.098.363
Lợi nhuận trước thuế				(24.567.239.827)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				7.711.885.299
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(541.160.534)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>(31.737.964.592)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>508.500.423.040</b>	<b>292.580.276.405</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	16.525.174.356	13.838.866.250
- Doanh thu cung cấp xây lắp	263.185.753.701	141.193.382.273
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	208.658.732.304	116.727.396.659
- Doanh thu hợp đồng dịch vụ	20.003.308.129	20.664.799.419
- Doanh thu khác	127.454.550	155.831.804
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>508.500.423.040</b>	<b>292.580.276.405</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	12.764.041.226	10.411.425.324
Giá vốn cung cấp dịch vụ	17.993.602.938	21.094.787.618
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	61.163.647.025	113.913.125.925
Giá vốn hoạt động xây lắp	230.217.587.301	121.981.616.844
Giá vốn khác	568.454.748	13.038.118
<b>Cộng</b>	<b>322.707.333.238</b>	<b>267.413.993.829</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.291.557.634	1.671.306.917
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	1.911.447.589	1.927.767.400
Cổ tức, lợi nhuận được chia	732.983.000	5.615.517.600
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	23.531
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	2.416.550.682	-
<b>Cộng</b>	<b>8.352.538.905</b>	<b>9.214.615.448</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
Chi phí lãi vay	7.130.328.683	13.680.043.445
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	123.938.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.178.171	164.857
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán	1.869.416.640	25.984.252
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.859.968.677)	43.967.809
Chi phí tài chính khác	2.380.785.879	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.521.740.696</u></b>	<b><u>13.874.098.363</u></b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	12.996.456.460	14.010.338.575
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.037.696.352	756.529.856
Khấu hao tài sản cố định	855.525.986	1.099.118.376
Thuế, phí, lệ phí	274.749.425	1.185.096.659
Chi phí dự phòng	50.591.254.404	494.524.538
Dịch vụ mua ngoài	10.711.204.418	2.492.693.765
Chi phí bằng tiền khác	6.064.539.254	11.507.104.597
<b>Cộng</b>	<b><u>82.531.426.299</u></b>	<b><u>31.545.406.366</u></b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	6.378.065.361	932.952.162
Hoàn nhập bảo hành công trình	-	1.222.396.344
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	2.000.000.000
Các khoản thu khác	1.231.212.688	1.078.774.468
Chênh lệch phần định giá giá trị góp vốn vào Công ty	6.060.188.313	-
<b>Cộng</b>	<b><u>13.669.466.362</u></b>	<b><u>5.234.122.974</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Xử lý hàng tồn kho	-	15.829.365.200
Chi phí công trình không quyết toán	788.039.939	642.357.702
Phạt do vi phạm tiến độ cam kết dự án	5.491.920.925	-
Các khoản phạt hành chính	95.490.688	392.929.726
Các khoản chi khác	5.917.439.809	230.671.305
<b>Cộng</b>	<b>12.292.891.361</b>	<b>17.095.323.933</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tại công ty mẹ	29.845.294.928	2.017.817.636
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tại công ty con	918.158.217	5.694.067.663
<b>Cộng</b>	<b>30.763.453.145</b>	<b>7.711.885.299</b>

**9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>73.780.930.590</b>	<b>(24.518.528.116)</b>
Các khoản điều chỉnh	5.164.665.141	-
<i>Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính</i>	<i>5.164.665.141</i>	<i>-</i>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>68.616.265.449</b>	<b>(24.518.528.116)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	88.834.033	88.834.033
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>772</b>	<b>(276)</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Trong năm 2016, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
ĐIỆN VIỆT NAM**Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán  
từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**

	<u>Số cổ phiếu bình quân gia quyền</u>	<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>
- Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	80.561.765	(304)
- Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành trong kỳ	8.272.268	28
- Số đã điều chỉnh lại	88.834.033	(276)

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	130.602.617.961	69.969.784.229
Chi phí nhân công	37.434.691.415	8.188.148.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.130.632.770	1.888.671.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.377.365.091	91.090.338.390
Chi phí khác bằng tiền	11.873.446.329	24.669.185.226
<b>Cộng</b>	<b><u>440.418.753.566</u></b>	<b><u>195.806.128.241</u></b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.21 và V.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/06/2017 VND</u>	<u>01/01/2017 VND</u>
Các khoản vay	233.810.104.743	166.654.837.263
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	267.565.008.693	81.708.392.335
Nợ thuần	-	84.946.444.928
Vốn chủ sở hữu	1.045.557.552.433	977.962.227.512
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,00%</u></b>	<b><u>8,69%</u></b>

## VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

### 1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	267.565.008.693	81.708.392.335
Phải thu khách hàng và phải thu khác	406.602.247.771	559.935.537.739
Đầu tư ngắn hạn	503.011.852	21.029.648.800
Đầu tư dài hạn	41.381.513.067	46.373.088.177
Các khoản ký quỹ	672.667.343	8.387.622.423
<b>Cộng</b>	<b>716.724.448.726</b>	<b>717.434.289.474</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	233.810.104.743	166.654.837.263
Phải trả người bán và phải trả khác	102.628.326.651	105.412.279.886
Chi phí phải trả	66.383.741.089	74.121.874.599
<b>Cộng</b>	<b>402.822.172.483</b>	<b>346.188.991.748</b>

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

## **VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

### **1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

#### *Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là thấp.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan tại Thuyết minh V.3 và V.5.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÀU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	267.565.008.693	-	267.565.008.693
Phải thu khách hàng và phải thu khác	406.602.247.771	-	406.602.247.771
Đầu tư ngắn hạn	503.011.852	-	503.011.852
Đầu tư dài hạn	-	41.381.513.067	41.381.513.067
Các khoản ký quỹ	672.667.343	-	672.667.343
<b>Cộng</b>	<b>675.342.935.659</b>	<b>41.381.513.067</b>	<b>716.724.448.726</b>
<b>30/06/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	102.628.326.651	-	102.628.326.651
Các khoản vay	230.907.388.803	2.902.715.940	233.810.104.743
Chi phí phải trả	66.383.741.089	-	66.383.741.089
<b>Cộng</b>	<b>399.919.456.543</b>	<b>2.902.715.940</b>	<b>402.822.172.483</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>275.423.479.116</b>	<b>38.478.797.127</b>	<b>313.902.276.243</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.708.392.335	-	81.708.392.335
Phải thu khách hàng và phải thu khác	559.935.537.739	-	559.935.537.739
Đầu tư ngắn hạn	21.029.648.800	-	21.029.648.800
Đầu tư dài hạn	-	46.373.088.177	46.373.088.177
Các khoản ký quỹ	8.387.622.423	-	8.387.622.423
<b>Cộng</b>	<b>671.061.201.297</b>	<b>46.373.088.177</b>	<b>717.434.289.474</b>
<b>01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	105.412.279.886	-	105.412.279.886
Chi phí phải trả	74.121.874.599	-	74.121.874.599
Các khoản vay	161.905.181.324	4.749.655.939	166.654.837.263
<b>Cộng</b>	<b>341.439.335.809</b>	<b>4.749.655.939</b>	<b>346.188.991.748</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>329.621.865.488</b>	<b>41.623.432.238</b>	<b>371.245.297.726</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia	Công ty liên kết

**Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
<b>a. Mua hàng</b>	<b>18.026.472.777</b>	<b>33.363.508.591</b>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	6.422.627.586	8.926.681.672
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	6.105.045.465	10.396.252.290
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	5.498.799.726	14.040.574.629
<b>b. Nhận cổ tức</b>	<b>360.000.000</b>	<b>1.064.745.000</b>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	360.000.000	1.064.745.000

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

	<b>30/06/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
<b>a. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>1.154.427.500</b>	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.154.427.500	-
<b>b. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>19.314.611.265</b>	<b>29.234.145.805</b>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	17.771.345.754	18.789.931.956
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.543.265.511	909.914.740
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	9.534.299.109
<b>c. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>11.053.620.428</b>	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	11.053.620.428	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập Ban Giám đốc Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.531.821.000</b>	<b>979.772.000</b>
Ông Ngô Văn Cường	350.687.000	250.745.000
Ông Nguyễn Tịnh	243.405.000	238.643.000
Ông Trần Văn Huy	224.342.000	238.643.000
Ông Lê Văn Khôi	230.118.000	24.803.000
Ông Mai Anh Hoàng	251.704.000	-
Ông Phan Anh Quang	231.565.000	226.938.000
<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>	<b>241.696.000</b>	<b>258.000.000</b>
Ông Đoàn Đức Hồng	39.783.000	30.000.000
Ông Ngô Văn Cường	5.000.000	-
Ông Nguyễn Tịnh	30.000.000	30.000.000
Ông Phan Anh Quang	30.000.000	30.000.000
Ông Trương Phước Nghĩa	30.000.000	30.000.000
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	30.000.000	30.000.000
Ông Đậu Xuân Thảo	-	-
Ông Trần Quang Cần	-	-
Ông Lê Mạnh Hùng	30.000.000	30.000.000
Ông Đặng Trọng Ngôn	21.913.000	48.000.000
Ông Lê Thanh Hồng	25.000.000	30.000.000
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>	<b>177.540.000</b>	<b>175.905.000</b>
Ông Lê Chí Dũng	141.540.000	139.905.000
Ông Lê Minh Tuấn	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.951.057.000</b>	<b>1.413.677.000</b>

**3. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Quyết định số 30/QĐ/VNECO-HĐQT ngày 31 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị thông qua quyết định giải thể Sàn giao dịch Bất động sản VNECO - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại Thừa Thiên Huế.

**4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2017 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**5. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**Võ Quang**  
Người lập biểu  
Ngày 21 tháng 08 năm 2017

**Trần Quang Cần**  
Kế toán trưởng



**Ngô Văn Cường**  
Tổng Giám đốc